Hội thảo ”Tương lai rừng cộng đồng ở Việt Nam: Định hình và kiến nghị chính sách”

Khu bảo tồn cộng đồng (ICCA): Kinh nghiệm quốc tế và bài học Việt Nam

Chuẩn bị và trình bày: Hoàng Xuân Thuỷ

Trung tâm Con người và Thiên nhiên - PanNature

Nội dung trình bày

- Giới thiệu khu bảo tồn cộng đồng
- Sự thừa nhận khu bảo tồn cộng đồng trên thế giới
- Thực trạng khu bảo tồn cộng đồng ở Việt Nam
- Thách thức đối với KBT cộng đồng ở Việt Nam
- Đề xuất phát triển hệ thống khu bảo tồn cộng đồng tại Việt Nam

Giới thiệu khu bảo tồn cộng đồng

- Những giá trị đa dạng sinh học trên trái đất hầu hết được các Chính phủ quản lý thông qua việc thành lập các khu bảo vệ (rừng đặc dụng, khu bảo tồn nước nội địa, khu bảo tồn biển).
- Tổng số: 219.223 khu bảo vệ trên cạn và vùng nước nội địa (20 triệu km2 ~ 15%) và 16.977 khu bảo tồn biển (27.621.644 triệu km2~7,6%).
- Bên cạnh đó còn có loại hình khu bảo vệ "cổ xưa" cũng đóng góp rất lớn trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì những giá trị văn hoá truyền thống: ***Khu bảo tồn do cộng đồng quản lý***

"Có lẽ sự phát triển thú vị nhất của công tác bảo tồn trong thế kỷ 21 đó là sự công nhận toàn cầu đối với khu bảo tồn do cộng đồng quản lý"

Ashish Kothari – Đồng Chủ tịch liên uỷ ban định hướng chiến lược về quản trị, công bằng và sinh kế trong các khu bảo vệ IUCN

Giới thiệu khu bảo tồn cộng đồng

Khu Bảo tồn cộng đồng quản lý …"*là một hệ sinh thái tự nhiên hoặc đã bị thay đổi một phần, trong đó chứa đựng các giá trị về đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái và văn hoá địa phương, được người bản địa và cộng đồng địa phương **tự nguyện** bảo tồn bằng **luật tục** hoặc bằng các biện pháp quản lý **hiệu quả***" (IUCN, 2004).

3 đặc trưng của KBT do cộng đồng quản lý:

Năng lực/quyền lực truyền thống để ra quyết định và thực hiện các quyết định đó 2

Mối quan hệ chặt chẽ: văn hoá, tín ngưỡng và sinh kế

1

Quyết định và thực hành phục vụ cho bảo tồn thiên nhiên (bao gồm sử dụng bền vững, phục hồi, xu hướng tích cực) 3

Giới thiệu khu bảo tồn cộng đồng

Giá trị của khu bảo tồn cộng đồng

Về đa dạng sinh học

- Bảo tồn các hệ sinh thái nguy cấp và các loài bị đe dọa
- Tạo liên kết giữa đa dạng sinh học nông nghiệp và động vật hoang dã (ở cấp độ cảnh quan);
- Đưa ra những bài học quan trọng cho quản trị có sự tham gia của các Khu bảo tồn;
- Cung cấp các bài học trong hệ thống bảo tồn về tích hợp luật tục và luật pháp.

Đối với văn hoá và sinh kế:

- Là nền tảng văn hóa và niềm tự hào của đồng bào dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương;
- Là nơi đảm bảo nguồn lực (năng lượng, thực phẩm, nước, thức ăn gia súc…) và thu nhập;
- Ngăn chặn và hạn chế sự phát triển không bền vững;
- Kỹ năng quản lý thích ứng và năng lực đáp ứng linh hoạt về các vấn đề liên quan đến văn hóa.

Giới thiệu khu bảo tồn cộng đồng

Khu bảo tồn cộng đồng và hệ thống khu bảo vệ

"Khu bảo vệ là một khu vực địa lý được thừa nhận, dành riêng và quản lý bằng các công cụ pháp lý và phương tiện hiệu quả khác để đạt được mục tiêu bảo tồn thiên nhiên cùng với các giá trị dịch vụ hệ sinh thái và văn hoá đi kèm một cách lâu dài" (IUCN 2008)

Một khu có thể được coi là khu bảo tồn khi mang các đặc trưng sau đây:

- là một khu vực địa lý cụ thể hoặc có ranh giới rõ ràng;
- mục tiêu chính là để đạt được miêu bảo tồn, nhưng cũng bao gồm ***các giá trị kèm theo khác***;
- được giao nhiệm vụ và quản lý bởi công cụ pháp lý hoặc ***các biện pháp hiệu quả khác***;
- tồn tại một chủ thể quản trị; và
- có một tổ chức hoặc cá nhân cụ thể có quyền quản trị.

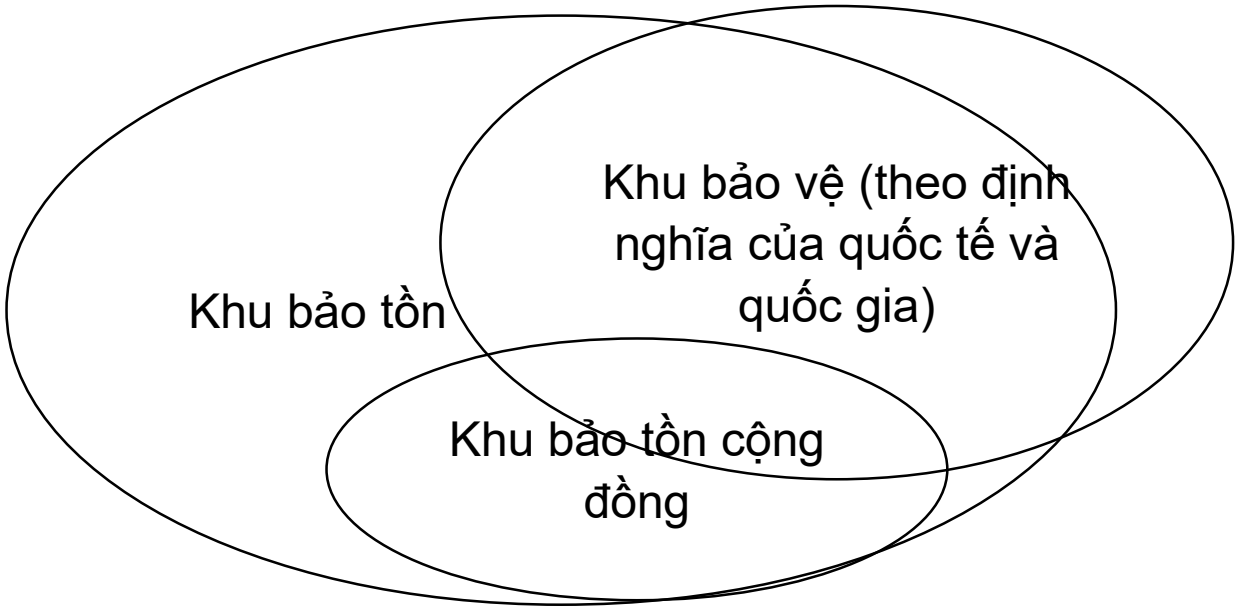

Khu bảo vệ: được quản lý bằng công cụ pháp lý (do nhà nước thành lập)

Khu bảo tổn: được quản lý bằng công cụ pháp lý hoặc luật tục (KBT cộng đồng có thể được nhà nước công nhận hoặc không)

KBT cộng đồng có thể có hoặc không thoả mãn định nghĩa của IUCN, luật pháp nhà nước có thể công nhận hoặc không

Giới thiệu khu bảo tồn cộng đồng

Khu bảo tồn cộng đồng và hệ thống khu bảo vệ

Phân hạng IUCN	Kiểu loại khu bảo tồn cộng đồng (CCAs)
Phân hạng Ia và Ib **Khu bảo vệ thiên nhiên và hoang dã nghiêm ngặt**	Khu linh thiêng hoặc khu rừng, hồ, dòng suối, ngọn núi, đảo 'cấm khai thác' trừ một số trường hợp đặc biệt như lễ hàng năm, một thời điểm được săn bắt hoặc đánh bắt được cộng đồng quy định một cách nghiêm. Một trường hợp đặt biệt ở đây là lãnh địa không được xâm phạm của cư dân (như rừng Amazon).
Phân hạng II **Vườn quốc gia**	Rừng bảo vệ nguồn nước của làng bản, các khu bảo vệ động vật hoang dã của cộng đồng (có thể đượ sử dụng phục vụ du lịch)
Phân hạng III **Khu tưởng niệm thiên nhiên**	Khu tưởng niệm thiên nhiên (hang động, thác nước, gềnh đá) được cộng đồng bảo vệ vì mục đích tôn giáo, văn hoá hoặc các mục đích khác.
Phân hạng IV **Khu bảo tồn loài/sinh cảnh**	Sân chim và các khu vực có quần xã động vật hoang dã, bãi đẻ của rùa biển, hành lang động vật hoang dã, dải rừng ven sông do cộng đồng quản lý.
Phân hạng V **Khu bảo vệ cảnh quan trên đất liền và ngoài biển**	Các bãi chăn thả truyền thống của cộng đồng du mục (bao gồm cả dải đất, nơi chứa nước và các vạt rừng, khu cảnh quan linh thiêng, văn hoá, lưu vực sông được quản lý chung và các cảnh quan có nhiều hệ sinh thái tự nhiên xen lẫn các khu vực đa dạng nông nghiệp.)
Phân hạng VI **Các khu bảo vệ và quản lý tài nguyên**	Khu dự trữ tài nguyên (rừng cộng đồng, đồng cỏ, mặt nước, cồn/khu vực ven biển và ngoài khơi) được sử dụng và quản lý nghiên ngặt bởi thôn xã để đảm bảo tính bền vững qua thời gian.

Sự thừa nhận KBT cộng đồng trên thế giới

CCAs in trong chính sách bảo tồn quốc tế

- Được IUCN nhấn mạnh từ 2003
- Đề xuất Đại hội các vườn quốc gia thế giới của IUCN (2003, 2004)
- Thoả thuận và kế hoạch hành đồng Durban (2003)
- Cam kết Sydney (2014)
- Nghị quyết đại hội bảo tồn thế giới IUCN 2004, 2008, 2012, 2016
- Số ấn phẩm Thực hành tốt các khu bảo vệ của Uỷ ban Vườn Quốc gia thế giới IUCN/WCPA (2000, 2004, 2013)

"Thừa nhận, tăng cường, bảo vệ và ủng hộ các khu bảo tồn so cộng đồng quản lý - ICCAs"
Thoả thuận Durban. Đại hội Durban về Vườn quốc gia thế giới của **IUCN, Nam Phi, 2003.**

IUCN World Conservation Congress Hawai'i 2016

Chính sách mới – Tháng 9 năm 2016
Nghị quyết Đại hội bảo tồn thế giới số 29: Thừa nhận và ủng hộ ICCA trong trường hợp chúng nằm trên diện tích các loại hình khu bảo tồn khác (Đại hộ bảo tồn thế giới IUCN 2016, Honolulu, Hawai'i, Hoa Kỳ)

Sự thừa nhận KBT cộng đồng trên thế giới

Convention on Biological Diversity

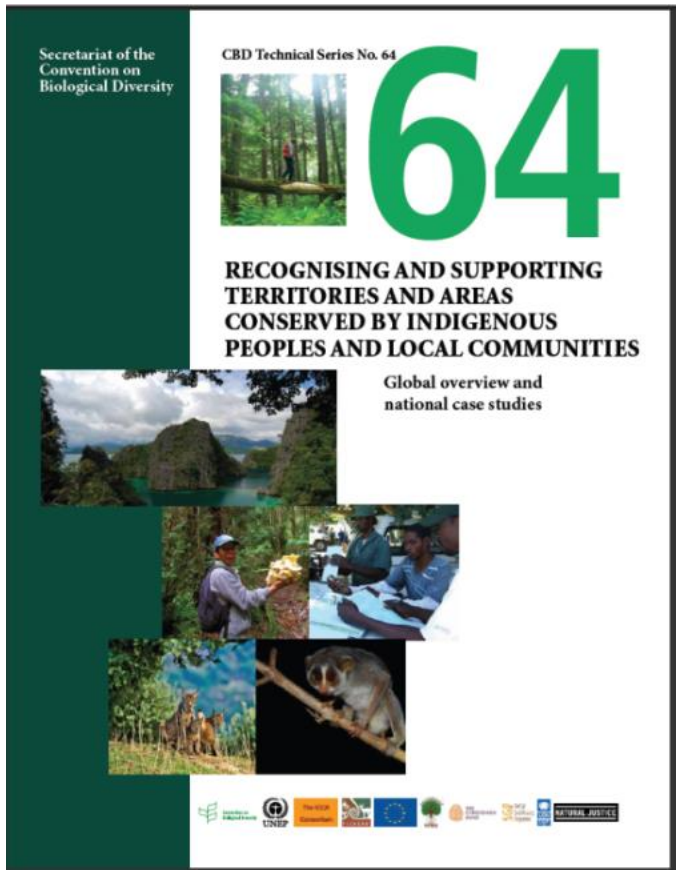

CCAs và Công ước đa dạng sinh học (CBD)

- Điều 8-j), Điều 10-c)
- Các quyết định của hội nghị thành viên (COP) 2004-2012;
- Chương trình làm việc về các khu bảo vệ;
- Kế hoạch chiến lược về Đa dạng sinh học 2011-2020 (Các mục tiêu Aichi);
- Kế hoạch hành động về sử dung bền vững đa dạng sinh học theo phương thức truyền thống;
- Tài liệu kỹ thuật CBD số 64/2012
- Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen trong khuôn khổ Công ước Đa dạng sinh học (Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 17/03/2014

Sự thừa nhận KBT cộng đồng trên thế giới

Năm 2016 hệ thống cơ sở dữ liệu về khu bảo vệ toàn cầu đã ghi nhận 1.214 khu CCAs trên 17 quốc gia.

Điển hình:
Thừa nhận trong hệ thống khu bảo tồn quốc gia: Úc, Namibia, Benin, Philippine;

Bên ngoài các khu rừng đặc dụng: Nepal, Mexico, Ấn Độ, Trung Quốc, Campuchiam, Philipines;

Nằm trong các khu rừng đặc dụng: Philippines, Indonesia, Ấn Độ, Campuchia, Thái Lan, Trung Quốc

Thực trạng khu bảo tồn cộng đồng ở Việt Nam

- Rừng tự nhiên có chất lượng tốt gần như nguyên vẹn
- Diện tích từ 0,2 cho đến 600ha
- Phần lớn là thuộc đất rừng quy hoạch cho phòng hộ và đặc dụng

Kiểu loại:

- Nơi tôn nghiêm/ thờ cúng: Rừng thiêng Trung Trải (Đồng Văn); Rừng bản Kéo Toong (Cao Bằng); Rừng Chù Lìn (Lai Châu); Miếu đá Thần (Đăk Nông), Cư H'Lăm (Đăk Lăk); Dền Sáng (Lào Cai); Mang Sông (Quảng Trị);
- Nơi chôn cất, an táng người chết: Mã Năng/nang của người Hơ re (Quảng Ngãi)
- Bảo vệ nguồn nước, hệ sinh thái: Rừng Trâm Bầu (Quảng Bình); Rừng cộng đồng thôn Trường Lệ (Quảng Ngãi);
- Bảo vệ và khai thác sử dụng bền vững: Rừng bản Hóc (Nghệ An); Rừng Săng lẻ (Nghệ An), Rừng lim Đá Húc (Bắc Giang)
- Rừng bảo vệ với mục đích thu lợi ích kinh tế (PFES, Du lịch): Rừng Pa-cóp (Vân Hồ, Sơn La); Rừng thôn Anor (Thừa Thiên Huế)

Rừng Anor
(TT-Huế)

Rừng Trường Lệ
(Quảng Ngãi)

Rừng Ngàn Pặc
(Lạng Sơn)

Rừng Đâu Cơ
(Cao Bằng)

Rừng Phố Là
(Hà Giang)

Rừng Miếu đá
thần (Đăk Nông)

Rừng Bản Hóc
(Nghệ An)

Pa Cốp
(Sơn La)

Rừng Cư H’lăm (Đăk Lăk)

Rừng thiêng bản Chù Lìn (Lai Châu)

Rừng Dền Sáng (Lào Cai)

Rừng Kéo Toong (Cao Bằng)

Rừng Săng lẻ
(Nghệ An)

Rừng Trâm bầu
(Quảng Bình)

Rừng Mang Sông
(Quảng Trị)

Rừng ma Ba Vinh
(Quảng Ngãi)

Thách thức đối với KBT cộng đồng tại Việt Nam

- Hệ thống tri thức và thể chế truyền thống đã bị phá vỡ và xói;
- Chưa được đảm bảo quyền hưởng dụng tài nguyên;
- Nhận thức chưa đầy đủ và thiếu sự ủng hộ thiếu sự ủng hộ cho CCA;
- Xung đột với các cộng đồng xung quanh và cộng đồng người di cư;
- Chịu sự đe doạ đến từ các dự án phát triển, các dự án phát triển;
- Sự gia tăng dân số, áp lực về đất canh tác và sinh sống;
- Thiếu năng lực và nguồn lực;

Đề xuất phát triển hệ thống CCA tại Việt Nam

I - Xây dựng cơ sở dữ liệu:

- Nghiên cứu đánh giá, tài liệu hoá các mô hình CCA;
- Xây dựng hệ thống đăng ký CCA quốc gia

II - Tăng cường nhận thức:

- Phát triển tài liệu;
- Khôi phục lại văn hoá, tín ngưỡng tốt trong QL tài nguyên;

III - Hoàn thiện khung chính sách:

- Thừa nhận quyền hưởng dụng tài nguyên/đất đầy đủ cho cộng đồng (trao quyền quản lý cho cộng đồng)
- Hỗ trợ phát triển hướng dẫn quản lý các khu tài nguyên của cộng đồng quản lý theo truyền thống;
- Xây dựng cơ chế khuyến khích CCA;

IV - Tăng cường năng lực:

- Thiết lập nhóm công tác quốc gia
- Phát triển mạng lưới CCA
- Tăng cường hợp tác và tham gia vào Liên minh ICCA

Trân trọng cảm ơn!